TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245/2017/HNGĐ-PT
Ngày 31/8/2017
V/v: tranh chấp "xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Ngụy Thế Nho, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc tranh chấp "xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2343/QĐ-PT ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1955; HKTT: phường Q, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, luật sư của Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1957; HKTT: phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đặng Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội ngày 11/11/1986. Sau khi kết hôn, đến năm 1988, ông H sang làm phiên dịch tại Cộng hòa dân chủ Đức từ đó đến nay.

Năm 1993, ông H đón vợ con sang Đức sinh sống và làm ăn. Do ông phải một mình đi làm để nuôi gia đình nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và không thể hàn gắn được nữa. Từ khoảng năm 2006 thì vợ chồng đã ly thân không ở cùng nhau nữa.

Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nơi nên đề nghị được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thu T, sinh năm 1987. Hiện cháu đã trưởng thành, định cư tại Cộng hòa liên bang Đức, đã ở riêng và mang quốc tịch Đức.

Về tài sản chung, nợ chung: Trước đây, khi khởi kiện ông có đề nghị giải quyết phần tài sản. Trong quá trình Tòa án nhân dân quận H giải quyết, ông đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Khi vụ án chuyển thẩm quyền lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì ông lại có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Nhưng cho đến nay, ông xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chỉ giải quyết việc ly hôn (Đơn ngày 09/6/2016).

Bà Nguyễn Thị Ngọc L có các văn bản gửi Tòa án nêu ý kiến, quan điểm đối với nội dung yêu cầu xin ly hôn của ông H. Bà cho biết cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Nay ông H xin ly hôn bà đồng ý. Bà sẽ về Việt Nam để thực hiện thủ tục ly hôn, chỉ sau khi vợ chồng bà thỏa thuận được việc phân chia tài sản trong thời gian chung sống và lao động tại Cộng hòa liên bang Đức.

Sau khi tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp qua Bộ Tư pháp và Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức để tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc L theo quy định, ngày 13/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa này bà L vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử vắng mặt bà L.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 13/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ Điều 28, 37, 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 57, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Đặng Văn H. Ông Đặng Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là chị Đặng Thu T, sinh năm 1987. Hiện chị T đã trưởng thành, định cư tại Cộng hòa liên bang Đức, đã có gia đình riêng và mang quốc tịch Đức nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và công nợ chung nếu có căn cứ và các bên đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/9/2016, bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên với lý do: bà không nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử hay bất cứ một thông tin nào về thời gian mà Tòa án đưa ra xét xử và cũng không nhận được bất kỳ thông tin nào từ cơ quan ngoại giao hay từ gia đình bà về việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm vào ngày 13/7/2016 nên bà đã không đưa ra ý kiến để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà. Bà không nhất trí việc giải quyết ly hôn mà không phân chia tài sản. Vì vậy, bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/7/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Công hòa liên bang Đức) với lý do: đến nay tuổi tác cũng đã lớn, vì cuộc sống ly thân hiện nay còn nhiều bề bộn, sức khỏe giảm sút nhiều, nên bà không thể về tham dự phiên tòa được. Bà có ý kiến không đồng ý với với bản án quyết định chấp nhận đơn ly hôn đơn phương của ông Đặng Văn H của Tòa án cấp sơ thẩm và bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng bà được thuận tình ly hôn tại Cộng hòa Liên bang Đức vì theo như luật sư của bà thì vụ án ly hôn của vợ chồng bà phải được xử tại Tòa án Berlin-Cộng hòa Liên bang Đức cho phù hợp với luật pháp nước sở tại.

Ngày 15/5/2017, ông Đặng Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) với lý do hiện nay ông đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức, do điều kiện công việc nên ông không thể về dự phiên tòa được và ông đề nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt. Cả ông H và bà L đều có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức). Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Luật sư Nguyễn Thị M bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã bảo đảm đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông H được ly hôn với bà L và dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và công nợ chung nếu có căn cứ và các bên đương sự có yêu cầu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra; lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

- Ngày 02/4/2013, ông Đặng Văn H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Theo xác nhận của Công an phường Q, quận B, thành phố Hà Nội thời điểm này ông H tạm trú tại phường Q, quận B, thành phố Hà Nội. Xác minh ngày 03/9/2013, Công an phường H, quận H, thành phố Hà Nội (BL 45) cho biết ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố G, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi nhận được Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Ngọc L ngày 19/9/2013 (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức), Tòa án nhân dân quận H đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền, là đúng quy định tại khoản 3 Điều 33, điểm g khoản 1 Điều 410 Bộ luật tố tụng dân sự 2005 (khoản 3 Điều 35, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự 2015). Do đó, Bà L kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết ly hôn tại Cộng hòa liên bang Đức là không có cơ sở chấp nhận.

- Ngày 13/3/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn ủy thác tư pháp số 749/UTTPDS-TA gửi Bộ Tư pháp và Đại sứ quán Việt nam tại Cộng hòa Liên bang Đức với nội dung tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, cũng như lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc L, chị Đặng Thu T liên quan đến quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, chị T đã có các tự khai, nêu ý kiến, quan điểm đối với nội dung yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Ngày 31/8/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn ủy thác tư pháp số 647/UTTPDS-TA gửi Bộ Tư pháp và Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức với nội dung tống đạt các văn bản tố tụng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định yêu

cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Ngày 06/11/2015 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn ủy thác tư pháp số 886; số 888/2015/UTTTDS gửi Bộ Tư pháp và Văn bản ủy thác tư pháp số 889/UTTPDS gửi Đại sứ quán Việt Nam tại cộng hòa liên bang Đức với nội dung ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng như: Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cũng như ủy thác để lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc L, chị Đặng Thu T về việc giải quyết vụ án có liên quan đến họ. Sau khi nhận được các công văn trên, ngày 30/12/2015 Bộ Tư pháp có công văn số 6439 và số 6440/BTP-PLQT về việc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội vì cho rằng hồ sơ ủy thác của Tòa án chưa hợp lệ, đề nghị bổ sung, hoàn thiện (BL 294 - BL295). Sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã gửi Công văn ủy thác tư pháp số 886; số 888/2015/TTTPDS-TA ngày 06/11/2015 đến Bộ Tư pháp (Công văn số 888/2015/TTTPDS-TA Bộ Tư pháp nhận ngày 26/1/2016 (BL 414) và Công văn số 886/2015/TTTPDS-TA, Bộ Tư pháp nhận ngày 16/3/2016 (BL 410).

Ngày 25/02/2016, Bộ Tư pháp có Công văn số 342/BTP và ngày 04/4/2016 Bộ Tư pháp có Công văn số 931/BTP gửi Bộ ngoại giao (Cục lãnh sự) đề nghị Bộ ngoại giao thực hiện việc ủy thác tư pháp theo nội dung các công văn mà Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã yêu cầu trong thời gian sớm nhất, bảo đảm vụ việc tiến hành đúng thời hạn luật định và gửi ngay kết quả về Bộ Tư pháp. Mặt khác, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án (Do bà L xuất trình) thể hiện trong các ngày 01/6/2016; 08/7/2016 và 15/9/2016 bà L và chị T đều đã nhận được Giấy mời của Đại sứ quán Việt Nam tại cộng hòa liên bang Đức mời đến Đại sứ quán để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai theo yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án.

Do không nhận được kết quả ủy thác tư pháp, nên ngày 13/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiếp tục ra quyết định xét xử số 129/2016/QĐXX-ST, thời gian mở phiên tòa ngày 13/7/2016 và niêm yết quyết định xét xử này tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Việc không có kết quả ủy thác có phần xuất phát từ việc không hợp tác từ phía bà L, tại Thông báo về kết quả ủy thác tư pháp của Cục lãnh sự Bộ ngoại giao (văn bản được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận trong giai đoạn xét xử phúc thẩm) thể hiện ngày 01/6/2016 Đại sứ quán tại Cộng hòa Liên bang Đức có giấy mời bà L đến nhận các thủ tục tố tụng, cũng như lấy lời khai liên quan đến vụ án ly hôn giữa bà với ông H, nhưng bà L đã viết thư gửi cơ quan đại diện trả lời sẽ không đến Đại sứ quán để thực hiện việc ủy thác tư pháp. Nội dung này phù hợp với lời khai của bà tại

đơn kháng cáo, bà thừa nhận có nhận được các văn bản của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức thực hiện việc ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội liên quan vụ án ly hôn của vợ chồng bà nhưng do bà bận đi làm và mọi ý kiến bà cho rằng đã gửi hết về Tòa nên không đến Đại sứ quán (kèm theo đơn kháng cáo bà L có gửi bản phô tô các giấy mời bà, chị T đến Đại sứ quán làm việc).

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiều lần bà L đi về Việt Nam (Tại Công văn cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an (BL 211, 302) thể hiện bà L về Việt Nam ngày 25/02/2015, xuất cảnh ngày 18/3/2015 và nhập cảnh tiếp ngày 13/5/2016, xuất cảnh ngày 01/6/2016) nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Sau khi thông báo tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử, đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của bà L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã làm các thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định; bà Nguyễn Thị Ngọc L đã nhận được giấy mời, nhưng bà L không đến Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức để nhận các văn bản ủy thác tư pháp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội ngày 11/11/1986. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thu T, sinh năm 1987. Năm 1988, ông H sang làm phiên dịch tại Cộng hòa liên bang Đức, còn vợ, con vẫn ở tại Việt Nam. Năm 1993, ông H đón vợ con sang Đức sinh sống và làm ăn. Quá trình sinh sống vợ chồng đã bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài và như ông H khai tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Tại đơn đề nghị đề ngày 29/9/2014 của bà L (BL 182, 183), bà L thừa nhận sẽ đồng ý ly hôn nếu ông H thỏa thuận với bà về việc phân chia tài sản trong thời gian vợ chồng làm ăn ở Đức và tại đơn kháng cáo bà L vẫn thừa nhận vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông H và bà L không đạt được nên việc ông H xin ly hôn là chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông H được ly hôn với bà L là đúng pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thu T, sinh năm 1987, hiện cháu đã trưởng thành, định cư tại Cộng hòa Liên bang Đức và mang quốc tịch Đức Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung,nợ chung:* Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2013 ông H khởi kiện ly hôn và đề nghị chia tài sản chung, trong quá trình giải quyết, ngày 09/6/2016, ông Đặng Văn H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết thành vụ kiện tài sản sau ly hôn (BL 299) nên không xem xét. Mặt khác, sau khi bà L nộp đơn đề nghị đề ngày 29/9/2014 (BL 182, 183) với nội dung đề nghị trước khi đề cập việc ly hôn và giải quyết tài sản ở Việt Nam thì ông H phải có trách nhiệm giải quyết tài sản ở bên Đức. Nếu không thỏa thuận được thì sẽ coi như tài sản ở Đức thuộc quyền sở hữu của ông H, còn phần tài sản tại Hà Nội - Việt Nam thuộc quyền sở hữu của hai mẹ con bà (Bà L kê khai các tài sản đề nghị Tòa án giải quyết). Chị T có đơn yêu cầu tính công sức trong khối tài sản chung của ông H và bà L (BL 184, 185). Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu bà L, chị T cung cấp chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình nhưng bà L, chị T đều không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tách phần chia tài sản chung và dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nếu có căn cứ và có yêu cầu là có căn cứ pháp luật, vẫn đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L; giữ nguyên quyết định tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Xử:

2.1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Đặng Văn H. Ông Đặng Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là chị Đặng Thu T, sinh năm 1987. Hiện chị T đã trưởng thành, định cư tại Cộng hòa Liên bang Đức, đã có gia đình riêng và mang quốc tịch Đức nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và công nợ chung nếu có căn cứ và các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AB/2014/09763 ngày 01 tháng 10 năm 2016 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phách